

**PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG**

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 9

Năm học 2020 – 2021

I. PHẦN TIẾNG VIỆT

Stt	Tên bài	Kiến thức
1	Các phương châm hội thoại	<ul style="list-style-type: none">- <i>Phương châm về lượng</i> yêu cầu khi giao tiếp, cần nói có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.- <i>Phương châm về chất</i> yêu cầu khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng và không có bằng chứng xác thực.- <i>Phương châm quan hệ</i> yêu cầu khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.- <i>Phương châm cách thức</i> yêu cầu khi giao tiếp cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ.- <i>Phương châm lịch sự</i> yêu cầu khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác.- Vận dụng PCHT cần phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai?, Nói khi nào? Nói ở đâu?, Nói để làm gì?)- Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại:<ul style="list-style-type: none">+ Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp.+ Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn.+ Người nói muốn gây một sự chú ý để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó.
2	Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp	<ul style="list-style-type: none">- <i>Dẫn trực tiếp</i> là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật. Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép- <i>Dẫn gián tiếp</i> là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho phù hợp. Lời dẫn gián tiếp không được đặt trong dấu ngoặc kép
3	Sự phát triển của từ vựng	<p>Từ vựng không ngừng được bổ sung, phát triển.</p> <ul style="list-style-type: none">- Một trong những cách phát triển từ vựng tiếng Việt là biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng.- Có hai phương thức chủ yếu biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ: phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ.- Ngoài cách biến đổi và phát triển nghĩa của từ, từ vựng còn được phát triển bằng hai cách khác:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo từ mới để làm cho vốn từ ngữ tăng lên.+ Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán

4	Thuật ngữ	Khái niệm: Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ. - Đặc điểm của thuật ngữ: + Về nguyên tắc, trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ tương ứng với một khái niệm. + Thuật ngữ không có tính biểu cảm.
---	------------------	--

(HS học lý thuyết và vận dụng vào làm bài tập)

II. PHẦN VĂN BẢN

1. VĂN BẢN NHẬT DỤNG

Stt	Tên tác phẩm	Tác giả	Thể loại	PTBD	Nghệ thuật	Ý nghĩa văn bản
1	Phong cách Hồ Chí Minh	Lê Anh Trà	-Văn nghị luận. -Kiểu văn bản nhật dụng	Nghị luận	Sử dụng ngôn ngữ bằng lập luận chặt chẽ, chứng cứ xác thực. • Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, biểu cảm, lập luận. • Vận dụng các hình thức so sánh, các biện pháp nghệ thuật đối lập.	Bằng lập luận chặt chẽ, chứng cứ xác thực, tác giả Lê Anh Trà đã cho thấy cốt cách văn hóa Hồ Chí Minh trong nhận thức và trong hành động. Từ đó đặt ra một vấn đề của thời kì hội nhập: tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.
2	Đấu tranh cho một thế giới hòa bình	Gác-xi-a Mác-két	-Văn nghị luận. -Kiểu văn bản nhật dụng	Nghị luận	Có lập luận chặt chẽ. - Có chứng cứ cụ thể, xác thực. - Sử dụng nghệ thuật so sánh sắc sảo, giàu sức thuyết phục.	Văn bản thể hiện những suy nghĩ nghiêm túc, đầy trách nhiệm của G.G Mác-két đối với hòa bình nhân loại
3	Tuyên bố về sự sống còn, quyền được bảo vệ....	Trích <i>Tuyên bố của hội nghị cấp cao</i>	-Văn nghị luận. -Kiểu văn bản	Nghị luận	Gồm có 17 mục, được chia thành 4 phần, cách trình bày rõ ràng, hợp lý. Mỗi liên kết	Văn bản nêu lên nhận thức đúng đắn và hành động phải làm vì quyền sống, quyền được bảo vệ

		<i>thế giới về trẻ em</i>	nhật dụng		lô-gíc giữa các phần làm cho văn bản có kết cấu chặt chẽ. - Sử dụng phương pháp nêu số liệu, phân tích khoa học.	và phát triển của trẻ em
--	--	---------------------------	-----------	--	---	--------------------------

2. TRUYỆN TRUNG ĐẠI

Stt	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	PTBD	Nghệ thuật	Ý nghĩa văn bản
1	Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ	Truyện truyền kì	Tự sự	- Khai thác vốn văn học dân gian. - Sáng tạo về nhân vật, sáng tạo trong cách kể chuyện, sử dụng yếu tố truyền kì... - Sáng tạo nên một kết thúc tác phẩm không mòn sáo.	Với quan niệm cho rằng hạnh phúc khi đã tan vỡ không thể hàn gắn được, truyện phê phán thói ghen tuông mù quáng và ngợi ca vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.
2	Hoàng Lê nhất thống chí	Ngô Gia Văn Phái	Tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi	Tự sự	- Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử. - Khắc họa nhân vật lịch sử (người anh hùng Nguyễn Huệ, hình ảnh bọn giặc xâm lược, hình ảnh vua tôi Lê Chiêu Thống) với ngôn ngữ kể, tả chân thực, sinh động. - Có giọng điệu trần thuật thể hiện rõ thái độ của tác giả với vương triều nhà Lê, với chiến thắng của dân tộc và với bọn giặc cướp nước	Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789)
3	Chị em Thúy Kiều	Nguyễn Du	Truyện thơ Nôm	Tự sự, miêu tả	- Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ.	Chị em Thúy Kiều thể hiện tài

	Kiều	(1765-1820)			<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nghệ thuật đòn bẩy. - Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình 	năng nghệ thuật và cảm hứng nhân văn ngợi ca vẻ đẹp và tài năng của con người của tác giả Nguyễn Du.
4	Kiều ở lầu Ngưng Bích	Nguyễn Du (1765-1820)	Truyện thơ Nôm	Tự sự, biểu cảm	<p>Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ. 	Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều
5	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)	Truyện thơ Nôm	Tự sự Miêu tả biểu cảm.	<p>Miêu tả nhân vật chủ yếu thông qua cử chỉ, hành động, lời nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gắn với lời nói thông thường, mang màu sắc Nam Bộ rõ nét, phù hợp với diễn biến tình tiết truyện 	Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga và khát vọng hành đạo cứu đời của tác giả

3. THƠ HIỆN ĐẠI

Stt	Tên tác phẩm	Tác giả	Thể loại	PTBD	Nghệ thuật	Ý nghĩa văn bản
1	Đồng chí	Chính Hữu (1926-2007)	Thơ tự do	Biểu cảm	<ul style="list-style-type: none"> • Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm. 	Bài thơ ngợi ca tình cảm đồng chí cao đẹp giữa những người chiến sĩ trong thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ
2	Bài thơ về tiểu đội xe	Phạm Tiến Duật	Thơ tự do	Biểu cảm	Ngôn ngữ và giọng điệu giàu	Bài thơ ca ngợi người chiến sĩ lái xe

	không kính	(1941-2007)			tính khẩu ngữ tự nhiên, khoẻ khoắn, vui tươi có chút ngang tàng; lời thơ gần với văn xuôi, lời nói thường ngày.	Trường Sơn dũng cảm, hiên ngang, tràn đầy niềm tin chiến thắng trong thời kỳ chống giặc Mỹ xâm lược
3	Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận (1919-2005)	Thơ tự do	Biểu cảm	Có nhiều hình ảnh sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo; có âm hưởng khoẻ khoắn, hào hứng, lạc quan	Bài thơ thể hiện nguồn cảm hứng lãng mạn ngợi ca biển cả lớn lao, giàu đẹp, ngợi ca nhiệt tình lao động vì sự giàu đẹp của đất nước, của những người lao động mới.
4	Ánh trăng	Nguyễn Duy (1948)	Thơ tự do	Biểu cảm, tự sự.	Giọng điệu tâm tình, hình ảnh giàu tính biểu cảm.	Ánh trăng khắc hoạ một khía cạnh trong vẻ đẹp của người lính sâu nặng nghĩa tình, thủy chung sau trước.
5	Bếp lửa	Bằng Việt (1941)	Thơ tự do	Biểu cảm	Kết hợp miêu tả, biểu cảm, kể chuyện và bình luận. Hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, tạo ý nghĩa sâu sắc. Giọng thơ bồi hồi, cảm động.	Từ những kỉ niệm tuổi thơ ấm áp tình bà cháu, nhà thơ cho ta hiểu thêm về những người bà, người mẹ, về nhân dân nghĩa tình.

4. TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Stt	Tên TP	Tác giả	Thể loại	PTBD	Nghệ thuật	Ý nghĩa văn bản
1	Làng	Kim Lân (1920-2007)	Truyện ngắn	Tự sự	Xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm kí nhân vật và ngôn ngữ nhân vật	Đoạn trích thể hiện tình cảm yêu làng, tinh thần yêu nước của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp

2	Lặng lẽ Sa Pa	Nguyễn Thành Long (1925-1991)	Truyện ngắn	Tự sự	Tình huống truyện hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên kết hợp giữa tự sự, trữ tình và bình luận.	“Lặng lẽ Sa Pa” là câu chuyện về cuộc gặp gỡ với những con người trong một chuyến đi thực tế của nhân vật ông họa sĩ, qua đó tác giả thể hiện niềm yêu mến đối với những con người có lẽ sống cao đẹp đang lặng lẽ quên mình cống hiến cho Tổ quốc
---	----------------------	-------------------------------	-------------	-------	--	--

(HS học tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa, viết đoạn văn có chủ đề kết nối với các văn bản trên)

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN

- Lý thuyết : Tự sự có yếu tố nghị luận, miêu tả, miêu tả nội tâm.

- Thực hành:

+ Viết bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả và miêu tả nội tâm

+ Kể chuyện tưởng tượng: Chuyển ngôi kể lời kể, ... cho một văn bản đã học.

.....

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

NGUYỄN THỊ KIM HOA